TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27/5/2024
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Chiến.
2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2024 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Thành N, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Khu phố N, phường B, thành phố H, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Ngọc Đ, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khu phố N, phường B, thành phố H, Kiên Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 14 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Võ Thành N trình bày: Ông và bà Trần Ngọc Đ chung sống vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/9/2020. Trong cuộc sống vợ chồng thời gian đầu chung sống cùng nhau hạnh phúc, sau này thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến. Hiện nay ông và bà Đ không còn cách nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với bà Trần Ngọc Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Võ Trần Gia H, giới tính nữ, sinh ngày 09/6/2020, hiện nay con đang sống cùng ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Ngày 09/4/2024, ông N có yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng, đến ngày 24/5/2024, ông N có đơn rút yêu cầu cấp dưỡng, ông không yêu bà Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Trần Ngọc Đ có đơn xin vắng mặt, tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 14 tháng 3 năm 2024 bà Trần Ngọc Đ trình bày: Ông bà kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/9/2020. Lúc đầu chung sống hoà thuận hạnh phúc, sau này thì phát sinh mâu thuẫn và không thể giải quyết được, nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên thống nhất ly hôn và yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Võ Trần Gia H, giới tính nữ, sinh ngày 09/6/2020, khi ly hôn giao lại cho cha nuôi dưỡng, mẹ không cần cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận cho ông Võ Thành N được ly hôn với bà Trần Ngọc Đ. Về con chung: Áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng của ông N. Về phần tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét. Án phí: Buộc ông N chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn bà Trần Ngọc Đ cư trú tại Khu phố N, phường B, thành

phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Võ Thành N, bị đơn bà Trần Ngọc Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Ông Võ Thành N và bà Trần Ngọc Đ kết hôn và có đăng ký kết hôn và được UBND phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/9/2020. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông N, bà Đ đều xác nhận quan hệ hôn nhân của ông bà đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hiện nay không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không muốn quay về đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân của ông N, bà Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình thụ lý giải quyết ông N vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn với bà Đ.

Ngày 14/3/2024 ông N, bà Đ có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự yêu cầu Toà án công nhận việc thuận tình ly hôn của ông bà nhưng tại phiên hoà giải ngày 09/4/2024, ông N có thay đổi ý kiến yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con, bà Đ thì vắng mặt tại phiên hoà giải nên Toà án đình chỉ giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn và thụ lý vụ án để giải quyết, theo đơn yêu cầu bà Trần Ngọc Đ cũng thống nhất ly hôn nhưng bà Đ có đơn xin vắng mặt, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà Đ.

[4] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Võ Trần Gia H, giới tính nữ, sinh ngày 09/6/2020, hiện nay con đang sống cùng ông. Khi ly hôn ông N yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 14/3/2024, bà Đ cũng thống nhất giao con chung cho ông N nuôi dưỡng, tại đơn xin vắng mặt bà Đ cũng thống nhất ý kiến trước đó. Mặc khác, từ khi ông bà không còn chung sống cùng nhau thì con do ông N chăm sóc nuôi dưỡng nên việc ông N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H là tạo điều kiện cho cháu H phát triển về mọi mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần giao con chung cho ông N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về yêu cầu cấp dưỡng, ngày 09/4/2024, ông N có yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng, đến ngày 24/5/2024 ông N có đơn rút yêu cầu cấp dưỡng, không yêu bà Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó cần ghi nhận ý kiến ông N không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông N khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Trả lại bà Trần Ngọc Đ tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Võ Thành N được ly hôn với bà Trần Ngọc Đ.

- Con chung: Giao cháu Võ Trần Gia H, giới tính nữ, sinh ngày 09/6/2020 cho ông Võ Thành N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến ông N không yêu cầu bà Đ phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Ông N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông Võ Thành N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí mà ông N đã nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0001684 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang, nay ông N phải nộp thêm số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Trần Ngọc Đ tạm ứng lệ phí đã nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0001685 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giang Phước Thành

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND thành phố H;*
- *Chi cục THADS thành phố H;*
- *UBND phường B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*